TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC MÊ** TỈNH HÀ GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HS-ST
Ngày 19 - 4 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Văn Công.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Mận.
Ông Nguyễn Ngọc Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Tươi - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang: Ông Ngô Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở thôn N, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2022/TLST-HS ngày 11/3/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2022 đối với:

1. Bị cáo: **Giàng Mí T**; sinh năm 1989; nơi sinh: Huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Giàng A V, sinh năm 1965 và con bà: Thào Thị M, sinh năm 1967; có 07 anh, chị em ruột, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; có vợ: Giàng Thị M, sinh năm 1987 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Không; tạm giữ ngày 05/8/2021; tạm giam ngày 14/8/2021; trước khi phạm tội đảng viên (*Đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 42-QĐ/UBKTHU ngày 17/12/2021 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy B*). Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang (Có mặt).

2. Bị cáo: **Thào A L**; sinh năm 1978; nơi sinh: Huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Thào Sàng T, sinh năm 1940 (đã chết) và con bà: Lý Thị C, sinh năm 1942; có 08 anh, chị em ruột, bị cáo là con thứ 05 trong gia đình; có vợ: Giàng Thị T, sinh năm 1978 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Không; tạm giữ: Không; tạm giam ngày 16/8/2021; trước khi phạm tội đảng viên (*Đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 41-QĐ/UBKTHU ngày 17/12/2021 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy B*). Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang (Có mặt).

3. Bị cáo: **Thào A T**; sinh năm 1987; nơi sinh: Huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Thào A L, sinh năm 1947 (đã chết) và con bà: Mã Thị S, sinh năm 1950; có 07 chị em ruột, bị cáo là con thứ 06 trong gia đình; vợ con: Không; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

4. Bị cáo: **Thào A L**; sinh năm 1995; nơi sinh: Huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Thào A L, sinh năm 1947 (đã chết) và con bà: Mã Thị S, sinh năm 1950; có 07 chị em ruột, bị cáo là con thứ 07 trong gia đình; có vợ: Giàng Thị M, sinh năm 1996 và có 02, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo: Giàng Mí T, Thào A L; ông Nguyễn Văn L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang (Có mặt).

Nguyên đơn dân sự: Ban quản lý rừng đặc dụng Dù Già thuộc Sở NN&PTNT tỉnh Hà Giang; người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tiến B - Cán bộ (Có mặt).

Nguyên đơn dân sự: Ban quản lý rừng phòng hộ huyện B, tỉnh Hà Giang; người đại diện theo ủy quyền ông Trần Quang Đường - Cán bộ (Có mặt).

Nguyên đơn dân sự: UBND xã Minh Ngọc, huyện Bắc Mê; người đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Văn Thuận - Phó Chủ tịch UBND xã Minh Ngọc (Có mặt).

Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1987 (Vắng mặt); anh Lã Văn H; sinh năm 1973 (Vắng mặt); Thào A Hồ, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Khu rừng đặc dụng 03 cây gỗ nghiến

Cây số 1: Khoảng đầu tháng 5/2021, Giàng Mí T, Thào A L mang theo 01 máy cưa xăng lên rừng phát hiện 01 cây gỗ nghiến còn tươi đứng tiến hành cắt đổ đường kính khoảng 90,5cm, sau đó xẻ được khoảng 30 cục (dạng thớt), đường kính từ 30cm - 45cm, dày khoảng 06cm, vận chuyển mang đi bán cho người tên Q lấy tiền tiêu xài cá nhân; cây nghiến ký hiệu G1 khối lượng 12,897m^3 thuộc lô 5, khoảnh 1, tiểu khu 155.

Cây số 2: Khoảng giữa tháng 5/2021, Giàng Mí T, Thào A L tiếp tục mang 01 máy cưa xăng lên rừng cách cây gỗ ban đầu khoảng 50m trực tiếp cắt đổ 01

cây gỗ nghiến còn tươi đứng đường kính khoảng 01m xẻ được khoảng 20 cục (dạng thớt), đường kính từ 30cm - 40cm, dày khoảng 20cm, vận chuyển mang đi bán cho người tên là Q lấy tiền tiêu xài; cây nghiến ký hiệu G2 khối lượng 8,633m^3 thuộc lô 7, khoảnh 5, tiểu khu 155.

Cây số 3: Khoảng cuối tháng 5/2021, Giàng Mí T, Thào A L mang theo 01 máy cưa xăng lên khu rừng xẻ 01 cây gỗ nghiến đường kính khoảng 1,2m đã bị người khác cắt đổ và khai thác một phần; sau đó T, L xẻ 01 khúc đường kính khoảng 80cm được khoảng 10 cục (dạng thớt), đường kính từ 30cm - 45cm, dày 06cm, vận chuyển về bán lấy tiền, cây nghiến ký hiệu G3 tổng khối lượng 10,052m^3, phần khúc gỗ T, L khai thác ký hiệu K2G3 khối lượng 1,055m^3 thuộc lô 21, khoảnh 4, tiểu khu 155.

Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 10/8/2021, xác định vị trí 03 cây gỗ nghiến do Giàng Mí T, Thào A L trực tiếp cắt hạ và khai thác thuộc địa phận Thôn L, xã M, huyện B. Đối tượng rừng đất rừng đặc dụng là rừng tự nhiên (*Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 được UBND tỉnh phê duyệt*) do Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già quản lý. Tổng 03 cây gỗ nghiến khối lượng 22,585m^3. Hiện số gỗ trên đã tạm giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già quản lý quản lý.

2. Khu rừng phòng hộ 03 cây gỗ nghiến

Cây số 1: Khoảng đầu tháng 6/2020 Giàng Mí T, Thào A T, Thào A L khai thác 01 khúc cây gỗ Nghiến bị bật gốc, đường kính khoảng 80cm, xẻ thành các cục dạng thớt đem đi bán cho người đàn ông tên N lấy tiền tiêu xài, ký hiệu G2 khối lượng 3,015m^3.

Cây số 2: Khoảng tháng 8/2020 T, T1, L khai thác cách cây gỗ trước khoảng 40m phát hiện 01 cây gỗ nghiến còn tươi đứng cùng nhau trực tiếp cắt đổ cây nghiến đường kính khoảng 70cm, nhưng chưa khai thác ký hiệu G3 khối lượng 6,727m^3.

Cây số 3: Khoảng đầu tháng 10/2020, T, T1, L đến vị trí cây gỗ đã khai thác lần thứ 02 cách khoảng 50m phát hiện 01 cây gỗ nghiến còn tươi đứng đường kính khoảng 50cm trực tiếp cắt đổ, sau đó khai thác lấy 01 cục u Nghiến mang đi bán cho một người đàn ông tên L được số tiền 300.000đ rồi chia nhau tiêu xài cá nhân ký hiệu G4 khối lượng 4,898m^3.

Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 24/8/2020 xác định vị trí 03 cây gỗ nghiến ký hiệu G2, G3, G4 do Giàng Mí T, Thào A T, Thào A L trực tiếp cắt hạ và khai thác địa phận Thôn L, xã M, huyện B, thuộc lô 18, khoảnh 15, tiểu khu 129G. Đối tượng rừng đất rừng phòng hộ là rừng tự nhiên (*Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 được UBND tỉnh phê duyệt*) do Ban quản lý rừng phòng hộ huyện B quản lý. Tổng 03 cây gỗ nghiến bị khai thác 14,64m^3.

3. Khu rừng sản xuất 06 cây gỗ nghiến

Cây số 1: Khoảng tháng 6/2020 Thào A T một mình mang theo 01 máy cưa xăng trực tiếp cắt hạ 01 cây gỗ nghiến sau đó đi về nhà khoảng 06 ngày sau cùng Giàng Mí T, Thào A L cắt xẻ thành thớt vận chuyển về bán người đàn ông

tên N rồi chia nhau số tiền tiêu xài cá nhân, cây gỗ ký hiệu G01 khối lượng 3,541m^3 thuộc lô 30, khoảnh 15, tiểu khu 129G.

Cây số 2: Khoảng tháng 10/2020 Thào A T một mình đi lên khu rừng trực tiếp khai thác 01 cây gỗ Nghiến đã bị bật gốc từ trước, cây gỗ ký hiệu G05 khối lượng 2,210m^3 thuộc lô 3, khoảnh 7, tiểu khu 129.

Cây số 3: Khoảng tháng 8/2020 Giàng Mí T Thào A T mang theo máy cưa xăng trực tiếp cắt đổ và khai thác 01 cây gỗ nghiến, đường kính khoảng 70cm, xẻ làm thớt bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, cây gỗ ký hiệu G01 khối lượng 8,088m^3 thuộc lô 23, khoảnh 7, tiểu khu 129.

Cây số 4: Khoảng tháng 9/2020 Giàng Mí T, Thào A T đi lên rừng khai thác 01 cây gỗ nghiến đã bị bật gốc từ trước, đường kính khoảng 55cm, ký hiệu G02 khối lượng 4,675m^3 thuộc lô 23, khoảnh 7, tiểu khu 129.

Cây số 5: Khoảng tháng 03/2021 một mình Thào A L trực tiếp cắt đổ 01 cây gỗ nghiến còn tươi đứng, đường kính khoảng 60cm, chưa khai thác ký hiệu G03 khối lượng 3,619m^3 thuộc lô 30, khoảnh 15, tiểu khu 129.

Cây số 6: Khoảng tháng 6/2020 Thào A L một mình mang theo máy cưa xăng trực tiếp khai thác 01 cây gỗ nghiến. Mục đích để làm nhà nhưng do chưa có điều kiện nên Lử chưa xẻ thân cây gỗ nghiến còn nguyên ký hiệu G1 tổng khối lượng 3,772m^3 thuộc lô 6, khoảnh 7, tiểu khu 129.

Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 24/6/2021 và 26/8/2021 xác định vị trí 06 cây gỗ có ký hiệu G01, G05, G1 và G01, G02, G03 do *Giàng Mí T, Thào A T, Thào A L, Thào A L* khai thác cắt hạ thuộc địa phận xã Minh Ngọc, huyện Bắc Mê. Đối tượng rừng đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên (*Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 được UBND tỉnh phê duyệt*) do UBND xã M, huyện B quản lý. Tổng 06 cây gỗ nghiến bị khai thác là 25,905m^3.

Tại bản kết luận giám định số 465, 466, 467/CNR-VP ngày 23/9/2021 của Viện nghiên cứu công nghiệp rừng kết luận 12 mẫu gỗ gửi giám định "đồng nhất một chủng loại gỗ", tên và nhóm gỗ cụ thể như sau:

Tên Việt Nam: Nghiến; Tên khoa học: *Excentrodendron tonkinense*

Gỗ Nghiến đều thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý hiếm nhóm IIA theo quy định Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ quy đinh về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật rừng, thực vật hoang dã nguy cấp.

Kết luận định giá tài sản 12 cây gỗ nghiến nhóm IIA khối lượng 63,13m^3, giá trị 615.952.100đ (*Sáu trăm mười lăm triệu chín trăm năm mươi hai nghìn một trăm đồng*), **trong đó** 01 cây nghiến khối lượng 3,772m^3 giá trị 27.630.800đ do Thào A L khai thác rừng sản xuất không đủ khối lượng khởi tố chuyển Hạt kiểm huyện B để xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 05/8/2021 *Giàng Mí T* đến Cơ quan CSĐT Công an huyện B đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi khai thác trái phép lâm sản.

Tang vật thu giữ gồm

- 11 cây gỗ nghiến nhóm IIA khối lượng là 59,358m^3 hiện đã tạm giao cho các chủ rừng quản lý. Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già 03 cây khối lượng 22,585m^3; Ban quản lý rừng phòng hộ 03 cây khối lượng 14,64m^3; UBND xã Minh N, huyện B 05 cây khối lượng 22,133m^3.

- 01 máy cưa xăng màu vàng - đen, nhãn hiệu Hnsavrqua, không có lam xích; 01 tua vít hai cạnh dạng chữ "T" dài 14cm; 01 tua vít hai cạnh dạng chữ "T" dài 16cm; 01 chiếc kìm bằng kim loại, tay cầm bằng nhựa màu đỏ đen, dài 20cm; 01 đoạn thước số bằng kim loại, dài 100cm; 01 chiếc máy cưa xăng, màu đỏ - đen, nhãn hiệu CHAIN SAW 5900, không có lam xích; 01 con dao bằng kim loại, phần cán được làm bằng gỗ, dài 57cm, bản rộng nhất 6,5cm; 01 chai nhựa màu đen, nắp màu xanh, nhãn hiệu Havoline; 01 chiếc máy cưa xăng màu đỏ - đen, nhãn hiệu CHAIN SAW, lam, xích dài 76cm; 01 chiếc máy cưa xăng màu đỏ - đen, nhãn hiệu BDK 5900, lam, xích dài 76cm; 01 con dao tông bằng kim loại, cán bằng gỗ, dài 40cm, bản rộng 06cm.

Nguyên đơn dân sự: Tại phiên tòa Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già; Ban quản lý rừng phòng hộ và UBND xã M là chủ rừng không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSBM ngày 10/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Giàng Mí T, Thào A L về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, theo khoản 3 Điều 232 Bộ luật Hình sự; bị cáo Thào A T, Thào A L về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, theo khoản 2 Điều 232 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến tại phiên tòa, trên cơ sở phân tích các căn cứ quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo *Giàng Mí T, Thào A L, Thào A T, Thào A L* phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

- Hình phạt:

Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 232, điều 38, điều 50; điều 58; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Giàng Mí T từ 5 (năm) năm 5 (năm) tháng tù đến 5 (năm) năm 8 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/8/2021.

Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 232, điều 38, điều 50; điều 58; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Thào A L từ 5 (năm) năm tù đến 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2021.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232, điều 38, điều 50; điều 58; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Thào A T từ 30 (ba mươi) tháng tù đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù; Thào A L từ 26 (hai mươi sáu) tháng tù đến 28 (hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Không; về trách nhiệm dân sự: Không.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 11 cây gỗ nghiến nhóm IIA khối lượng 59,358m^3; trong đó rừng đặc dụng 03 cây khối lượng 22,585m^3; rừng phòng hộ 03 cây khối lượng 14,64m^3; rừng sản xuất 05 cây khối lượng 22,133m^3; 01 máy cưa xăng màu vàng - đen, nhãn hiệu Hnsavrqua, không có lam xích; 01 chiếc máy cưa xăng, màu đỏ - đen, nhãn hiệu CHAIN SAW 5900, không có lam xích; 01 chiếc máy cưa xăng màu đỏ - đen, nhãn hiệu CHAIN SAW, lam, xích dài 76cm; 01 chiếc máy cưa xăng màu đỏ - đen, nhãn hiệu BDK 5900, lam, xích dài 76cm.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 tua vít hai cạnh dạng chữ "T" dài 14cm; 01 tua vít hai cạnh dạng chữ "T" dài 16cm; 01 chiếc kìm bằng kim loại, tay cầm bằng nhựa màu đỏ đen, dài 20cm; 01 đoạn thước số bằng kim loại, dài 100cm; 01 con dao bằng kim loại, phần cán được làm bằng gỗ, dài 57cm, bản rộng nhất 6,5cm; 01 chai nhựa màu đen, nắp màu xanh, nhãn hiệu Havoline; 01 con dao tông bằng kim loại, cán bằng gỗ, dài 40cm, bản rộng 06cm.

- Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo *Giàng Mí T, Thào A L, Thào A T, Thào A L* được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Kiểm sát viên kiến nghị các chủ rừng kiểm tra, giám sát thường xuyên về công tác bảo vệ rừng để phát hiện kịp thời xử lý các đối tượng vi phạm, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền sát thực tế với người dân.

Tại phiên tòa Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo *Giàng Mí T, Thào A L* về tội danh đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố, xét xử về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm e khoản 3 Điều 232 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

Xét về động cơ mục đích, nhân thân các bị cáo nguyên nhân điều kiện phạm tội do không có việc làm ổn định, điều kiện khó khăn sống phụ thuộc vào rừng, nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế, có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự. Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân các bị cáo là lao động chính trong gia đình. Ngoài ra Giàng Mí T ra đầu thú.

Đối với Giàng Mí T đề nghị HĐXX áp dụng điểm e khoản 3 Điều 232, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Giàng Mí T 05 (năm) năm tù.

Đối với Thào A L đề nghị HĐXX áp dụng điểm e khoản 3 Điều 232, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Thào A L 04 (bốn) năm tù.

Về án phí: Đề nghị áp dụng điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Bị cáo Giàng Mí T, Thào A L nhất trí với ý kiến của người bào chữa không bổ sung thêm gì và thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo Thào A T, Thào A L nhất trí với ý kiến của kiểm sát viên không có tranh luận.

Nguyên đơn dân sự Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già; Ban quản lý rừng phòng hộ và UBND xã Minh N nhất trí quan điểm của Kiểm sát viên về trách nhiệm dân sự không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Các bị cáo thực hiện lời nói sau cùng đề nghị xem xét xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Mê, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng anh Nguyễn Văn N, Lã Văn H, Thào A Hồ các bị cáo đồng ý xét xử, xét thấy việc vắng mặt người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử, theo quy định Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, biên bản xác định hiện trường, bản ảnh hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 06/2020 đến tháng 05/2021, Giàng Mí T; Thào A L; Thào A T và Thào A L có hành vi khai thác trái phép 11 cây gỗ Nghiến nhóm IIA tổng khối lượng 59,358m^3 giá trị 588.321.300đ địa phận xã M, huyện B, vị trí khai thác thuộc lô 5, 7, 21 khoảnh 1, 4, 5 tiểu khu 155 đối tượng rừng đất rừng đặc dụng là rừng tự nhiên do Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già quản lý; lô 18, khoảnh 15, tiểu khu 129G đối tượng rừng đất rừng phòng hộ là rừng tự nhiên do Ban quản lý rừng phòng hộ quản lý; lô 3, 23 khoảnh 7, tiểu khu 129 và lô 30, khoảnh 15, tiểu khu 129G đối tượng rừng đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên do UBND xã M, huyện B quản lý (*Theo bản đồ quy hoạch 3 loại rừng năm 2018 được UBND tỉnh phê duyệt*).

- *Giàng Mí T*: Tham gia khai thác 09 cây gỗ nghiến nhóm IIA khối lượng 53,529m^3 giá trị 529.225.200đ; trong đó 03 cây gỗ nghiến rừng đặc dụng

22,585m^3, 03 cây nghiến rừng phòng hộ 14,64m^3 và 03 cây nghiến rừng sản xuất khối lượng 16,304m^3.

- *Thào A L*: Tham gia khai thác rừng đặc dụng 03 cây gỗ nghiến nhóm IIA, khối lượng 22,585m^3 giá trị 222.969.000đ.

- *Thào A T*: Tham gia khai thác 07 cây gỗ nghiến nhóm IIA khối lượng 33,154m^3 giá trị 328.439.100đ; trong đó 03 cây nghiến rừng phòng hộ khối lượng 14,64m^3 và 04 cây nghiến rừng sản xuất khối lượng 18,514m^3.

- *Thào A L*: Tham gia khai thác 05 cây gỗ nghiến nhóm IIA khối lượng 21,80m^3 giá trị 215.118.600đ; trong đó 03 cây nghiến rừng phòng hộ khối lượng 14,64m^3 và 02 cây nghiến rừng sản xuất khối lượng 7,16m^3.

Như vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo *Giàng Mí T, Thào A L* về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm e khoản 3 Điều 232 Bộ luật Hình sự; bị cáo *Thào A T, Thào A L* về tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản theo điểm d khoản 2 Điều 232 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Điều 232 Bộ luật Hình sự quy định

... 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

… d) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng tự nhiên … từ 10 mét khối (m^3) đến dưới 20 mét khối (m^3) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA;

… 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...e) Khai thác trái phép rừng đặc dụng là rừng tự nhiên ...từ 10 mét khối (m^3) trở lên gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Đối với bị cáo Giàng Mí T, Thào A L là thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Đối với bị cáo Thào A T, Thào A L thuộc trường hợp nghiêm trọng. Các bị cáo biết rằng việc khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện việc khai thác gỗ trái phép. Trong khi toàn Đảng, toàn dân phát động phong trào trồng cây phủ xanh đất trống đồi núi trọc, chống sói mòn sạt lở. Huyện B có nhiều giải pháp quyết liệt tuyên truyền bảo vệ rừng, bằng nhiều hình thức nhưng tình hình khai thác gỗ trái phép trên địa bàn huyện vẫn diễn ra rất phức tạp. Các bị cáo khai thác trái phép với số lượng gỗ lớn, gây thiệt hại về tài sản của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường rừng. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi khai thác gỗ không có giấy phép là trái pháp luật. Mục đích cắt hạ gỗ xẻ thành thớt bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Nên cần xử lý các bị cáo bằng chế tài Luật hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội các bị cáo đã gây ra. Do đó, cần cách ly các bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để giáo dục các bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Đối với cáo Giàng Mí T, Thào A L đang tạm giam Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục quyết định tạm giam để đảm bảo cho việc thi hành án quy định tại Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[6] Đối với bị cáo Thào A T, Thào A L đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú Hội đồng xét xử, xét thấy cần tiếp tục ra quyết định áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo quy định tại Điều 123 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[7] Vai trò phạm tội các bị cáo là đồng phạm thuộc trường hợp giản đơn, không có phân vai trò cụ thể từng người tham gia; tính chất mức độ và hậu quả gây thiệt hại cho nhà nước khác nhau. Mục đích các bị cáo khai thác gỗ xẻ thớt bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

[7.1] Bị cáo Giàng Mí T tham gia khai thác 3 loại rừng 09 cây gỗ nghiến nhóm IIA khối lượng 53,529m^3 mức hình phạt cao hơn so với bị cáo Lử.

[7.2] Bị cáo Thào A L tham gia khai thác rừng đặc dụng 03 cây gỗ nghiến nhóm IIA khối lượng 22,585m^3 mức hình phạt cao hơn bị cáo Thính, Lềnh.

[7.3] Bị cáo Thào A T tham gia khai thác 2 loại rừng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất; tổng số 07 cây gỗ nghiến nhóm IIA khối lượng 33,154m^3 mức hình phạt cao hơn so với bị cáo Lềnh.

[7.4] Bị cáo Thào A L tham gia khai thác 2 loại rừng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất; tổng số 05 cây gỗ nghiến nhóm IIA khối lượng 21,80m^3 mức hình phạt thấp nhất trong vụ án.

[8] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[9] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo *Giàng Mí T, Thào A T, Thào A L* phạm tội 02 lần trở lên phải chịu trách nhiệm tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[10] Bị cáo *Thào A L* không có tình tiết tăng nặng.

[11] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, chưa có tiền án, tiền sự, người dân tộc thiểu số, sống ở vùng điều kiện kinh tế khó khăn. Ngoài ra bị cáo Giàng Mí T đến cơ quan CSĐT Công an huyện B đầu thú về hành vi phạm tội. Các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước để các bị cáo yên tâm cải tạo sớm hòa nhập với cộng đồng trở thành công dân sống có ích cho xã hội.

[12] Trách nhiệm dân sự: Đại diện nguyên đơn dân sự Ban quản lý rừng đặc dụng Du Già; Ban quản lý rừng phòng hộ và UBND xã M là chủ rừng, không yêu cầu bồi thường. Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Về hình phạt bổ sung: Quy định tại khoản 4 Điều 232 Bộ luật Hình sự thì "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ. Tuy nhiên, các tài liệu chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là người dân lao động thuần túy, thu nhập không ổn định, là người dân tộc thiểu số. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[14] Số tiền các bị cáo khai thác gỗ nghiễn đã xẻ thành thớt bán khoản thu lời bất chính từ việc phạm tội mà có theo quy định của pháp luật phải truy thu sung ngân sách nhà nước, nhưng thời gian xảy ra vụ án đã lâu không nhớ cụ thể số tiền thu lời bất chính. Tuy nhiên xét các bị cáo hoàn cảnh khó khăn nên Hội đồng xét xử không truy thu số tiền của các bị cáo.

[15] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý như sau:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 11 cây gỗ nghiến nhóm IIA khối lượng là 59,358m^3; trong đó 03 cây khối lượng 22,585m^3 rừng đặc dụng; 03 cây khối lượng 14,64m^3 rừng phòng hộ; 05 cây khối lượng 22,133m^3 rừng sản xuất. 03 máy cưa xăng màu vàng - đen và màu đỏ - đen.

Tịch thu tiêu hủy: 02 tua vít hai cạnh dạng chữ "T"; 01 kìm bằng kim loại; 01 đoạn thước số bằng kim loại; 01 con dao bằng kim loại; 01 chai nhựa màu đen, nắp màu xanh; 01 con dao tông bằng kim loại.

[16] Trong vụ án một số đối tượng liên quan:

[16.1] Thào A L ngoài hành vi khai thác gỗ rừng đặc dụng có hành vi khai thác gỗ tại rừng sản xuất là rừng tự nhiên 01 cây gỗ nghiến nhóm IIA, khối lượng 3,772m^3, xét thấy không đủ khối lượng xử lý hình sự, ngày 09/02/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã chuyển hồ sơ đến Hạt Kiểm lâm huyện B xử lý theo thẩm quyền. Hội đồng xét xử không xem xét.

[16.2] Nguyễn Văn N theo lời khai Thào A T, Thào A L xẻ bán thớt cho nhiều lần, quá trình điều tra anh N chỉ nhận được mua của Thào A L một lần 03 cục gỗ nghiến dạng thớt, mang về nhà dùng máy trà làm thớt phục vụ cho gia đình, ngày 17/01/2022 đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Căn cứ các tài liệu thu thập xác định không cấu thành tội. Ngày 09/02/2022 Cơ quan CSĐT chuyển hồ sơ cùng tang vật đến Hạt Kiểm huyện lâm giải quyết theo thẩm quyền là đúng quy định. Hội đồng xét xử không xem xét.

[16.3] Lã Văn H theo lời khai Thào A T, xẻ thớt nghiến bán cho anh Lã Văn H được 01 lần, quá trình điều tra anh H nhận mua của Thào A T 01 lần với 06 cục gỗ nghiến dạng thớt, mang về nhà dùng phục vụ gia đình, ngày 17/01/2022 đã giao nộp cơ quan điều tra. Căn cứ các tài liệu thu thập được xác định Lã Văn H không cấu thành tội phạm. Cơ quan CSĐT chuyển hồ sơ cùng tang vật đến Hạt Kiểm lâm huyện giải quyết theo thẩm quyền là đúng quy định. Hội đồng xét xử không xem xét.

[16.4] Thào A H theo lời khai Thào A L xẻ thớt bán cho Thào A H được 02 lần, quá trình điều tra Thào A H thừa nhận được mua 02 lần với 16 cục gỗ nghiến dạng thớt bán để kiếm lời, số tiền đã tiêu xài cá nhân hết. Căn cứ tài liệu thu thập xác định Thào A H không có đồng phạm trong vụ án. Hiện nay Thào A H liên quan đến việc mua bán gỗ nghiến đối với nhiều người Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

[16.5] Lã Văn Q theo lời khai của Giàng Mí T, xẻ thớt bán cho nhiều lần, quá trình điều tra Lã Văn Q không thừa nhận mua gỗ nghiến Giàng Mí T. Ngày 27/12/2021 Cơ quan điều tra tiến hành nhận dạng và đối chất Giàng Mí T, khẳng định toàn bộ các cục gỗ nghiến khai thác đều bán cho Lã Văn Q, còn Lã Văn Q không thừa nhận mua bán gỗ nghiến cùng Giàng Mí T, không có người chứng kiến việc mua bán. Quá trình điều tra Lã Văn Q liên quan đến việc mua, bán gỗ nghiến đối với nhiều người Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét.

[17] Từ những căn cứ trên đại diện Viện Kiểm sát đề nghị là có căn cứ được chấp nhận.

[18] Tại phiên tòa Trợ giúp viên pháp lý bào chữa đề nghị về hình phạt đối với bị cáo Giàng Mí T 05 (năm) năm tù; bị cáo Thào A L 04 (bốn) năm tù không đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật trong việc răn đe, đấu tranh tội phạm phòng ngừa chung. Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[19] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo và có đơn đề nghị miễn nộp án phí, nên được miễn toàn bộ tiền án phí theo quy định.

[20] Quyền kháng cáo: Các bị cáo; các nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Giàng Mí T, Thào A L, Thào A T, Thào A L phạm tội Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản.

2. Hình phạt:

- Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 232, điều 38, điều 50; điều 58; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Giàng Mí T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/8/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 232, điều 38, điều 50; điều 58; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Thào A L 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2021. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232, điều 38, điều 50; điều 58; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt.

Bị cáo Thào A T 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Bị cáo Thào A L 26 (hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Không.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không.

5. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- *Rừng đặc dụng*: 03 (ba) cây gỗ nghiến nhóm IIA khối lượng 22,585m^3 (*Hai mươi hai phẩy năm trăm tám mươi lăm mét khối*) gồm: Cây số 1 (ký hiệu G1) khối lượng 12,879m^3 thuộc lô 5, khoảnh 1, tiểu khu 155; cây số 2 (ký hiệu G2) khối lượng 8,633m^3 thuộc lô 7, khoảnh 5, tiểu khu 155; cây số 3 (ký hiệu G3) khối lượng còn lại 1,055m^3 thuộc lô 21, khoảnh 4, tiểu khu 155.

- *Rừng phòng hộ*: 03 (ba) cây gỗ nghiến nhóm IIA thuộc lô 18, khoảnh 15, tiểu khu 129G khối lượng 14,64m^3 (*Mười bốn phẩy sáu mươi tư mét khối*) gồm: Cây số 1 (ký hiệu G2) khúc cây gỗ nghiến khối lượng 3,015m^3, cây số 2 (ký hiệu G3) cây gỗ nghiến khối lượng 6,727m^3, cây số 3 (ký hiệu G4) khối lượng 4,898m^3.

- *Rừng sản xuất*: 05 (năm) cây gỗ nghiến nhóm IIA khối lượng 22,133m^3 (*Hai mươi hai phẩy một trăm ba mươi ba mét khối*) gồm: Cây số 1 (ký hiệu G01) khối lượng 3,541m^3 và cây số 5 (ký hiệu G03) khối lượng 3,619m^3 thuộc lô 30, khoảnh 15, tiểu khu 129G; cây số 2 (ký hiệu G05) khối lượng 2,210m^3 thuộc lô 3, khoảnh 7, tiểu khu 129; cây số 3 (ký hiệu G01) khối lượng 8,088m^3 và cây số 4 (ký hiệu G02) khối lượng 4,675m^3 thuộc lô 23, khoảnh 7, tiểu khu 129.

- 01 (một) máy cưa xăng màu vàng - đen, không có lam xích, nhãn hiệu Hnsavrqua (đã qua sử dụng, không kiểm tra máy móc bên trong).

- 01 (một) chiếc máy cưa xăng, màu đỏ - đen, không có lam xích, nhãn hiệu CHAIN SAW 5900 (đã qua sử dụng, không kiểm tra máy móc bên trong).

- 01 (một) chiếc máy cưa xăng màu đỏ - đen, nhãn hiệu CHAIN SAW, lam, xích dài 83cm (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động).

- 01 (một) chiếc máy cưa xăng màu đỏ - đen, nhãn hiệu BDK 5900, lam, xích dài 76cm (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động).

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) Tua vít hai cạnh dạng chữ "T" dài 14cm (đã qua sử dụng); 01 (một) Tua vít hai cạnh dạng chữ "T" dài 16cm (đã qua sử dụng); 01 (một) chiếc kìm bằng kim loại, tay cầm bằng nhựa màu đỏ đen, dài 20cm (đã qua sử dụng); 01 (một) đoạn thước số bằng kim loại, dài 100cm (đã qua sử dụng); 01 (một) con dao bằng kim loại, phần cán được làm bằng gỗ, dài 57cm, bản rộng nhất 6,5cm (đã qua sử dụng); 01 (một) chai nhựa màu đen, nắp màu xanh, nhãn hiệu Havoline; 01 (một) con dao tông bằng kim loại, cán bằng gỗ, dài 40cm, bản rộng 06cm (đã qua sử dụng).

(*Tình trạng như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/3/2022, ngày 16/3/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B với Chi cục Thi hành án dân sự huyện B*).

6. Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Giàng Mí T, Thào A L, Thào A T, Thào A L được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện + VKSND tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện B;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan THAHS CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các bị cáo; Trợ giúp viên pháp lý;
- Các nguyên đơn dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Văn Công